TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày 12 - 7 - 2022
V/v "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Nhã.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST- DS, ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1980 "có mặt".

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1964 "có mặt".

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phạm Thị T và bị đơn là bà Phạm Thị T cùng trình bày:

Vào ngày 15/02/2010ÂL chị T có làm đầu thảo dây hụi 500.000 đồng/1 phần, hụi 10 ngày khui 01 kỳ, dây hụi có 43 thành viên, trong dây hụi này bà T tham gia 02 phần. Khi hợp đồng góp hụi thì giữa hai bên không có làm văn bản hợp đồng, nhưng chị T có mở sổ theo dõi hụi khui hàng tháng.

Khi hụi khui đến kỳ thứ 8 thì bà T hốt hụi hết 01 phần chị T đã giao đủ số tiền hụi là 14.260.000 đồng đã trừ tiền đầu thảo cho bà T. Hụi khui đến kỳ thứ 19 thì bà T hốt chân hụi còn lại chị T cũng đã giao đủ số tiền 13.690.000 đồng

đã trừ tiền đầu thảo cho bà T. Sau khi bà T góp hụi chết đến kỳ thứ 21 (khui ngày 05/8/2020 ÂL) thì ngưng, nên chị T đã góp thay cho bà T từ kỳ 21 cho đến khi mãn hại là 23 kỳ/2 phần với số tiền là 23.000.000 đồng. Như vậy trong dây hụi này bà T còn nợ chị T số tiền là 23.000.000 đồng.

Vào ngày 20/9/2019ÂL chị T có làm đầu thảo dây hụi 500.000 đồng/1 phần, hụi 15 ngày khui 01 kỳ, dây hụi có 45 thành viên, trong dây hụi này bà T tham gia 02 phần. Khi hợp đồng góp hụi thì giữa hai bên không có làm văn bản hợp đồng, nhưng chị T có mở sổ theo dõi hụi khui hàng tháng.

Khi hụi khui đến kỳ thứ 4 thì bà T hốt hụi hết 01 phần và chị T đã giao đủ số tiền hụi là 13.550.000 đồng đã trừ tiền đầu thảo cho bà T. Khi hụi khui kỳ thứ 13 thì bà T hốt chân hụi còn lại chị T đã giao đủ số tiên 14.100.000 đồng đã trừ tiền đầu thảo cho bà T. Sau khi lãnh hụi thì bà T góp hụi chết đến kỳ thứ 24 (khui ngày 05/8/2020 ÂL) thì ngưng, nên chị T đã góp thay cho bà T từ kỳ 24 cho đến khi mãn hụi là 22 kỳ/2 phần với số tiền là 22.000.000 đồng. Như vậy trong dây hụi này bà T còn nợ chị T số tiền là 22.000.000 đồng.

Vào ngày 30/9/2019ÂL chị T có làm đầu thảo dây hụi 1.000.000 đồng/1 phần, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi này có 34 thành viên, trong dây hụi này bà T tham gia 02 phần. Khi hợp đồng góp hụi thì giữa hai bên không có làm văn bản hợp đồng, nhưng chị T có mở sổ theo dõi hụi khui hàng tháng.

Khi hụi khui đến kỳ thứ 06 thì bà T hốt hụi hết 01 phần chị T đã giao đủ số tiền hụi là 18.030.000 đồng đã trừ tiền đầu thảo cho bà T. Khi hụi khui kỳ thứ 08 thì bà T hốt chân hụi còn lại chị T cũng đã giao đủ số tiền 17.190.000 đồng đã trừ tiền đầu thảo cho bà T. Sau khi lãnh hụi thì bà T góp hụi chết đến kỳ thứ 13 (khui ngày 30/8/2020 AL) thì ngưng, nên chị T đã góp thay cho bà T từ kỳ 13 cho đến kỳ khui thứ 26 (khui ngày 30/9/2021 ÂL) là 14 kỳ/2 phần với số tiền là 28.000.000 đồng. Như vậy trong dây hụi này bà T còn nợ chị T số tiền là 28.000.000 đồng (dây hụi này chưa mãn).

Như vậy trong 03 dây hụi này chị T đã góp hụi chết thay cho bà T tổng số tiền là 73.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà T chưa hoàn trả lại số tiền nào cho chị T.

* Tại phiên tòa, chị Phạm Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Phạm Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho chị T số tiền hụi gốc mà chị T đã góp thay cho bà T là 73.000.000 đồng, không tính lãi. Chị T yêu cầu bà T trả đủ trong thời hạn 30 ngày.

* Tại phiên tòa, bà Phạm Thị T thống nhất hoàn trả cho chị Phạm Thị T số tiền hụi gốc là 73.000.000 đồng, không tính lãi, nhưng do hoàn cảnh gia đình bà T gặp khó khăn, nên bà T hẹn khi nào chuyển nhượng đất được thì bà T sẽ trả tiền cho chị T, chứ bà T không hẹn thời gian trả nợ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến: việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật;

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: tại phiên tòa, chị Phạm Thị T yêu cầu bà Phạm Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho chị T số tiền hụi gốc mà chi T đã góp thay cho bà T 73.000.000 đồng, không tính lãi, bà T cũng thống nhất hoàn trả cho chị T số tiền 73.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 17 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc bà T có trách nhiệm hoàn trả cho chị T số tiền hụi gốc mà chị T đã góp thay cho bà T là 73.000.000 đồng, không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2021 của nguyên đơn chị Phạm Thị T thì chị T kiện bà Phạm Thị T là bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi mà nguyên đơn đã góp thay cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử xác định là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Chị Phạm Thị T và bà Phạm Thị T cùng trình bày: chị T làm chủ 03 dây hụi, trong 03 dây hụi này bà T là thành viên, bà T tham gia 06 phần, bà T đã lĩnh hụi hết 06 phần. Sau khi lĩnh hụi bà T có góp phần hụi được một thời gian thì ngưng góp, nên chị T đã góp hụi chết thay cho bà T tổng số tiền là 73.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà T chưa hoàn trả lại số tiền nào cho chị T.

[2.2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng: mặc dù hợp đồng góp hụi giữa chị Phạm Thị T và bà Phạm Thị T không lập thành văn bản, nhưng chị T và bà T cùng thừa nhận có hợp đồng góp hụi với nhau, cụ thể chị T là chủ hụi, bà T là thành viên, do đó xác định đây là hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 5 và Điều 6 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ. Chị T và bà T là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù

hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận đây là hợp đồng góp hụi hợp pháp và giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng này theo quy định tại Điều 351, Điều 385 và Điều 398 của Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 17 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ.

[3] Xét về yêu cầu trả tiền hụi gốc 73.000.000 đồng của chị Phạm Thị T:

[3.1] Bà Phạm Thị T thừa nhận hiện nay còn nợ chị Phạm Thị T số tiền hụi gốc mà chị T đã góp thay cho bà T là 73.000.000 đồng, nên đây là tình tiết chị T không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Bà Phạm Thị T đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên, không góp phần hụi đã lĩnh theo thỏa thuận cho chủ hụi, chị Phạm Thị T đã góp phần hụi thay cho bà T, thì chị T có quyền yêu cầu bà T trả lại tiền mà chị T đã góp phần hụi thay. Do đó, chị T yêu cầu bà T có trách nhiệm hoàn trả cho chị T số tiền hụi gốc mà chị T đã góp thay cho bà T là 73.000.000 đồng, không tính lãi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 17 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử buộc bà T có trách nhiệm hoàn trả cho chị T số tiền hụi gốc là 73.000.000 đồng, không tính lãi.

[4] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, buộc bà T có trách nhiệm hoàn trả cho chị T số tiền hụi gốc mà chị T đã góp thay cho bà T là 73.000.000 đồng, không tính lãi. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Phạm Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.650.000 đồng; chị Phạm Thị T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 385, Điều 398 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 5, Điều 6, Điều 16, Điều 17 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

Buộc bà Phạm Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho chị Phạm Thị T số tiền 73.000.000 đồng *(bảy mươi ba triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Phạm Thị T không thực hiện việc trả nợ thì bà T còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.650.000 đồng *(ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng)*; chị Phạm Thị T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.825.000 đồng *(một triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001751 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo